

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002004 ngày 24 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 (mười hai), ngày 7 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh..

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Mỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Chính Diệp	Ủy viên
Ông Lê Hữu Hòe	Ủy viên
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trần Quang Mỹ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hòe	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chính Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Từ	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Hoan	Trưởng ban
Ông Trần Thái Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Trần Quang Mỹ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 từ trang 4 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		1.820.141.317.111	1.786.454.408.802
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.648.946.388	263.200.126.220
1. Tiền	111		36.268.970.066	116.192.053.531
2. Các khoản tương đương tiền	112		379.976.322	147.008.072.689
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.592.840.062	293.206.233.673
1. Phải thu khách hàng	131		179.309.079.494	188.017.074.408
2. Trả trước cho người bán	132		30.713.528.858	55.474.387.180
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	16.570.231.710	49.714.772.085
IV- Hàng tồn kho	140		1.472.543.338.582	1.182.427.268.642
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.472.543.338.582	1.182.427.268.642
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		84.356.192.079	47.620.780.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		595.010.019	1.145.878.304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.195.223.118	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.4	5.304.203.300	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	46.261.755.642	46.474.901.963
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		191.074.555.301	137.835.207.236
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		73.802.164.486	56.769.677.394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	72.897.817.783	56.105.114.898
- Nguyên giá	222		93.552.958.302	72.468.395.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.655.140.519)	(16.363.280.166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	904.346.703	664.562.496
- Nguyên giá	228		1.179.643.066	863.931.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.296.363)	(199.368.754)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	110.961.691.220	76.036.944.820
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.045.799.410
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		86.321.200.000	44.655.300.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		37.723.477.836	39.310.537.098
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259		(13.082.986.616)	(8.974.691.688)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.310.699.595	5.028.585.022
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6.283.641.112	5.001.526.539
3. Tài sản dài hạn khác	268		27.058.483	27.058.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.011.215.872.412	1.924.289.616.038

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.699.909.658.460	1.614.938.949.584
I- Nợ ngắn hạn	310		1.326.174.450.690	1.219.009.696.381
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	455.582.434.481	444.518.593.747
2. Phải trả người bán	312		133.937.631.758	198.767.528.137
3. Người mua trả tiền trước	313		651.630.246.247	486.303.236.788
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	75.120.883	9.345.431.236
5. Phải trả người lao động	315		8.196.013.573	7.518.766.825
6. Chi phí phải trả	316	5.12	13.654.543.369	10.233.775.397
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.13	56.061.359.116	55.686.131.127
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.037.101.263	6.636.233.124
II- Nợ dài hạn	330		373.735.207.770	395.929.253.203
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	252.773.974.191	251.083.067.810
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	115.383.566.779	143.882.193.975
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.217.107.642	963.991.418
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.16	4.360.559.158	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		311.306.213.952	309.350.666.454
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	311.306.213.952	309.350.666.454
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136.223.650.000	113.520.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		65.389.499.612	80.526.499.612
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.710.000)	(1.710.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		7.435.439	5.858.099
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.856.902.824	44.310.126.315
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.719.997.780	8.650.529.641
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.160.438.297	41.389.362.787
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		2.011.215.872.412	1.924.289.616.038

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
4. Nợ khó đòi đã xử lý		303.824.544	165.498.210
5. Ngoại tệ các loại		860	10.909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Chí Hiếu

Hồ Hồng Nhân

Trần Quang Mỹ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.112.135.997.258	1.236.550.295.680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.112.135.997.258	1.236.550.295.680
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.075.382.094.976	1.147.367.473.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		36.753.902.282	89.182.822.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	9.585.487.601	14.588.432.383
7. Chi phí tài chính	22	5.21	15.338.337.395	42.934.101.823
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.706.420.751	35.980.761.681
8. Chi phí bán hàng	24		2.250.902.356	317.214.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.993.008.690	4.576.465.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		24.757.141.442	55.943.472.588
11. Thu nhập khác	31	5.22	978.011.827	971.747.295
12. Chi phí khác	32	5.22	1.163.873.162	1.828.873.411
Lợi nhuận khác			(185.861.335)	(857.126.116)
13. (40 = 31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		24.571.280.107	55.086.346.472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	5.410.841.810	13.696.983.685
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.160.438.297	41.389.362.787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.680	3.844

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Chí Hiếu

Hồ Hồng Nhân

Trần Quang Mỹ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	24.571.280.107	55.086.346.472
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.367.787.962	3.789.853.815
- Các khoản dự phòng	03	10.954.718.982	5.098.455.582
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.645.775.061)	(13.246.851.905)
- Chi phí lãi vay	06	6.706.420.751	35.980.761.681
3. <i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	37.954.432.741	86.708.565.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	100.984.275.345	(75.437.569.418)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(237.195.826.538)	(196.509.196.289)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	71.145.940.210	291.260.815.593
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(731.246.288)	(1.349.534.107)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(102.665.418.339)	(72.384.481.653)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.467.827.406)	(19.054.087.983)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.108.803.657	2.452.738.251
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.093.814.099)	(7.419.107.231)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</i>	20	(139.960.680.717)	8.268.142.808
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.400.275.054)	(15.123.233.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	337.857.891
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.336.420.000)	(12.316.413.756)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.686.004.034	23.003.922.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	9.030.401.027	14.532.583.423
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(54.020.289.993)	10.434.716.824
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.566.650.000	42.907.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.640.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.017.844.475.447	939.572.802.416
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.035.279.261.909)	(806.391.426.459)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.703.650.000)	(21.157.445.088)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(32.571.786.462)	154.929.290.869
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(226.552.757.172)	173.632.150.501
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	263.200.126.220	89.562.117.620
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	1.577.340	5.858.099
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	36.648.946.388	263.200.126.220

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Chí Hiếu

Hồ Hồng Nhân

Trần Quang Mỹ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 được thành lập theo Quyết định số 1588/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển DNNN là Công ty Xây dựng Số 5 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 thành Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103002004 ngày 24 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 (mười hai), ngày 7 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5
Tên giao dịch quốc tế:	Construction Joint Stock Company No.5
Tên viết tắt:	CJSC5

Trụ sở của Công ty đặt tại 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng và lắp đặt các công trình điện, nước. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 35 KV. Thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cơ điện lạnh. Lắp đặt và tháo dỡ các loại cầu trục và thiết bị nâng hạ. Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng (không sản xuất trong khu dân cư tập trung). Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Sản xuất, kinh doanh cầu kiện kim loại. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Cho thuê mặt bằng; máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Thi công khoan cọc nhồi; đóng, ép cọc bê-tông cốt thép (không hoạt động tại trụ sở). Đo đạc bản đồ. Xây dựng: cơ sở kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, thủy lợi. Kinh doanh lưu hành nội địa, quốc tế. Dịch vụ giữ xe. Cho thuê nhà, văn phòng. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn môi trường. Sản xuất, gia công, mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị hệ thống xử lý cấp nước, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải công nghiệp. Lắp đặt công trình xử lý nước thải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình cấp thoát nước và trạm cấp nước. Mua bán vật tư ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Nếu xử lý chênh lệch theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 thì kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty tăng lãi số tiền là 5.858.099 đồng, năm 2011 của Công ty tăng lãi 7.435.439 đồng.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng do Công ty đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng quản trị (hoặc đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	6.612.974.000	5.257.546.300
Tiền gửi ngân hàng	29.655.996.066	110.934.507.231
Tổng	36.648.946.388	263.200.126.220

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng	179.309.079.494	188.017.074.408
Trả trước cho người bán	30.713.528.858	55.474.387.180
Phải thu ngắn hạn khác	16.570.231.710	49.714.772.085
Tổng	226.592.840.062	293.206.233.673

Chi tiết các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Phước	10.650.000.000	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Công Minh	520.000.000	520.000.000
Phải thu khác các đội thi công	5.400.231.710	49.194.772.085
Tổng	16.570.231.710	49.714.772.085

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.030.195.705	17.938.661.135
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.470.755.803.009	1.164.447.039.432
Hàng hoá	757.339.868	41.568.075
Tổng	1.472.543.338.582	1.182.427.268.642

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	5.304.203.300	-
Tổng	5.304.203.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	46.013.755.642	41.878.545.072
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	248.000.000	4.596.356.891
Tổng	46.261.755.642	46.474.901.963

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	<i>Đơn vị: VND</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	57.166.749.428	8.889.661.258	4.902.542.765	1.509.441.613	72.468.395.064
Tăng trong năm	20.752.807.438	268.639.000	-	63.116.800	21.084.563.238
Mua trong năm	20.752.807.438	268.639.000		63.116.800	21.084.563.238
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	77.919.556.866	9.158.300.258	4.902.542.765	1.572.558.413	93.552.958.302
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	4.772.527.334	7.002.526.991	3.487.532.115	1.100.693.726	16.363.280.166
Tăng trong năm	2.638.321.664	807.652.165	658.273.205	187.613.319	4.291.860.353
Khấu hao trong năm	2.638.321.664	807.652.165	658.273.205	187.613.319	4.291.860.353
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	7.410.848.998	7.810.179.156	4.145.805.320	1.288.307.045	20.655.140.519
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	52.394.222.094	1.887.134.267	1.415.010.650	408.747.887	56.105.114.898
Tại 31/12/2011	70.508.707.868	1.348.121.102	756.737.445	284.251.368	72.897.817.783

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 01/01/2011	863.931.250
Tăng trong năm	315.711.816
Mua trong năm	315.711.816
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2011	1.179.643.066
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 01/01/2011	199.368.754
Tăng trong năm	75.927.609
Khấu hao trong năm	75.927.609
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2011	275.296.363
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2011	664.562.496
Tại 31/12/2011	904.346.703

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	-	1.045.799.410
Đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh	86.321.200.000	44.655.300.000
Đầu tư dài hạn khác	37.723.477.836	39.310.537.098
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(13.082.986.616)	(8.974.691.688)
Tổng	110.961.691.220	76.036.944.820

Đầu tư vào công ty con

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Công ty đã thực hiện việc kết chuyển khoản đầu tư, góp vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Mỹ Phước sang đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết

Tên đối tượng	Vốn đầu tư	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/11)
Công ty Cổ phần XD và KDVT An Phúc	116.186.000.000	58.093.000.000	58.093.000.000
Tổng	116.186.000.000	58.093.000.000	58.093.000.000

Tên đối tượng	Vốn điều lệ	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/11)
Công ty Cổ phần BĐS Tân Phước	200.000.000.000	80.000.000.000	28.228.200.000
Tổng	200.000.000.000	80.000.000.000	28.228.200.000

Thông tin bổ sung đối với các khoản vốn góp liên doanh, liên kết

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 75/2009/HĐHT ký ngày 10/11/2009 giữa Công ty Cổ Phần XD & KD Vật tư và Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5; Dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc với diện tích khu đất là 17.250 m² tại Phường 16 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Tân Phước là: 200 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 40% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 28.228.200.000 đồng, đạt tỷ lệ 35,29% so với vốn góp.

Đầu tư dài hạn khác

Tên đối tượng	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/12/2011)
Dự án BOT cầu Đồng Nai	450.000.000.000	13.500.000.000	2.400.000.000
Tổng	450.000.000.000		2.400.000.000

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Cầu Đồng Nai là: 450 tỷ đồng; Trong đó: tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 chiếm 3% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5 đã góp 2.400.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 17,78% so với vốn góp.

Tên đối tượng	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	12.225.690.790	13.109.107.429
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	-	169.156.859
Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn (PXL)	4.572.000.000	4.800.000.000
Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	1.670.682.526	2.262.526.500
Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	-	736.971.000
Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	-	23.470.200
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	1.351.150.000	1.351.150.000
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	1.081.650.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam - Tín Nghĩa	729.500.000	729.500.000
Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	5.137.544.110	5.137.544.110
Công ty CP XD CT GT 677	1.440.000.000	1.440.000.000
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	6.069.461.000
Công ty CP Xây dựng và XNK Mỹ Phước	1.045.799.410	-
Tổng	35.323.477.836	36.910.537.098

	31/12/2011		01/01/2011	
<u>Cổ phiếu trên sàn</u>	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Công ty CP ĐT Xây dựng Bình Chánh (BCI)	12.225.690.790	175.203	13.109.107.429	187.863
Công ty CP ĐT KCN Dầu khí IDICO - Long Sơn	4.572.000.000	381.000	4.800.000.000	400.000
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	-	-	169.156.859	4.920
Công ty Cổ phần Mirae (KMR)	-	-	23.470.200	2.000
Quỹ Đầu Tư DN Hàng Đầu Việt nam (VF4)	-	-	736.971.000	90.000
Công ty CP PT Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex - IJC)	1.670.682.526	167.055	2.262.526.500	41.763
Tổng	18.468.373.316		21.101.231.988	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

<i>Cổ phiếu OTC</i>	31/12/2011		01/01/2011	
	Gía trị	Số lượng	Gía trị	Số lượng
Ngân hàng TMCP Phương Nam (PNB)	1.351.150.000	16.800	1.351.150.000	16.800
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	20.000	1.081.650.000	20.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam - Tín Nghĩa	729.500.000	14.100	729.500.000	14.100
Công ty CP Xây dựng số 14 (CC14)	5.137.544.110	95.910	5.137.544.110	95.910
Công ty CP XD CT GT 677	1.440.000.000	144.000	1.440.000.000	144.000
Công ty Cổ Phần ĐT XD & XNK Mỹ Phước	1.045.799.410	104.580	-	-
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	316.550	6.069.461.000	316.550
Tổng	16.855.104.520		15.809.305.110	

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí coffa xây dựng và chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ hơn 12 tháng.

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	455.582.434.481	444.518.593.747
Tổng	455.582.434.481	444.518.593.747

Chi tiết vay ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
1. Vay tổ chức tính dụng	436.517.434.481	393.803.593.747
- Ngân hàng Công thương VN - CN3	307.890.108.530	287.505.597.019
- Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông thôn - CI	45.345.478.281	69.279.718.674
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	55.512.197.598	37.018.278.054
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Sài Gòn	27.769.650.072	0
2. Vay cá nhân và tổ chức cá nhân	19.065.000.000	50.715.000.000
- Vay cá nhân	19.065.000.000	50.715.000.000
Tổng	455.582.434.481	444.518.593.747

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.305.575.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.929.474.461
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.393.594
Các loại thuế khác	75.120.883	31.987.200
Tổng	75.120.883	9.345.431.236

5.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả trình bày các khoản chi phí xây dựng các công trình được trích trước tại thời điểm 31/12/2011.

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.577.304.972	2.939.883.804
Bảo hiểm xã hội	-	(55.903.692)
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	51.484.054.144	52.802.151.015
Tổng	56.061.359.116	55.686.131.127

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác trình bày số dư bên có của tài khoản tạm ứng cho các Đội trực thuộc thi công các công trình xây lắp.

5.14 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả dài hạn khác	252.773.974.191	251.083.067.810
Tổng	252.773.974.191	251.083.067.810

Chi tiết phải trả dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Người mua trả tiền trước dài hạn	224.979.556.706	223.247.882.992
- Chung cư Mỹ Phước - Phường 2 - Quận Bình Thạnh	-	235.148.637
- Chung cư An Lộc - Phường 17 - Quận Gò Vấp	-	219.835.000
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh	32.159.521.176	40.144.235.814
- Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh (Phần KD)	191.785.215.530	103.043.868.541
- Chung cư Miếu Nổi - Lô S	93.320.000	93.320.000
- Chung cư Mỹ An - P. Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức	-	78.809.975.000
- Khu quy hoạch - Phường Hiệp Bình Chánh - Quận Thủ Đức (Sông Đà)	940.000.000	700.000.000
- Khu quy hoạch - Phường Phước Long Quận 9	1.500.000	1.500.000
Phải trả dài hạn khác	27.794.417.485	27.835.184.818
- Huy động vốn xây Cao ốc văn phòng Công ty	24.855.000.000	25.425.000.000
- Công ty CP Đệ Tam góp tiền để triển khai DA Chung cư cao tầng Mỹ Phước	194.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.745.417.485	2.410.184.818
Tổng	252.773.974.191	251.083.067.810

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	115.383.566.779	143.882.193.975
Tổng	115.383.566.779	143.882.193.975

Chi tiết các khoản vay	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Công thương VN - CN3 (*)	76.702.409.372	143.882.193.975
Ngân hàng Công thương VN - CN3 (**)	38.681.157.407	-
Tổng	115.383.566.779	143.882.193.975

(*) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 09451214/HĐTD ngày 10/06/2009;

- Hạn mức tín dụng: 280.000.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Chung cư Mỹ Đức - Phường 21 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 09451214/HĐTC ngày 10/06/2009.
- Lãi suất vay: 10,5%/năm.
- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 10NTN1214/HĐTD ngày 18/10/2010;

- Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng: Đầu tư xây dựng Dự án Khu dân cư The Bay Water - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TP. HCM.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Khu Chung cư The Bay Water – Phường 22 - Quận Bình Thạnh theo hợp đồng thế chấp số 10NTN1214/HĐTC.
- Lãi suất vay: 14,5%/năm.
- Thời gian ân hạn: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Thời gian trả nợ: 36 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn.

5.16 Dự phòng phải trả dài hạn

Trình bày các khoản chi phí trích trước bảo hành công trình có thời gian bảo hành trên 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	103.200.000.000	20.950.000.000	47.939.499.612	(70.000)	-	31.889.021.406	6.813.801.590	36.734.561.011	247.526.813.619
Tăng trong năm	10.320.000.000	-	32.587.000.000	-	5.858.099	12.421.104.909	1.836.728.051	41.389.362.787	98.560.053.846
Tăng vốn	10.320.000.000	-	-	-	-	-	-	-	10.320.000.000
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	41.389.362.787	41.389.362.787
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	12.421.104.909	1.836.728.051	-	14.257.832.960
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	-	5.858.099	-	-	-	5.858.099
Tăng khác	-	-	32.587.000.000	-	-	-	-	-	32.587.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.640.000	-	-	-	36.734.561.011	36.736.201.011
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	16.094.561.011	16.094.561.011
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	20.640.000.000	20.640.000.000
Giảm khác	-	-	-	1.640.000	-	-	-	-	1.640.000
Số dư tại 31/12/2010	113.520.000.000	20.950.000.000	80.526.499.612	(1.710.000)	5.858.099	44.310.126.315	8.650.529.641	41.389.362.787	309.350.666.454
Số dư tại 01/01/2011	113.520.000.000	20.950.000.000	80.526.499.612	(1.710.000)	5.858.099	44.310.126.315	8.650.529.641	41.389.362.787	309.350.666.454
Tăng trong năm	22.703.650.000	-	-	-	19.269.040	14.546.776.509	2.069.468.139	19.160.438.297	58.499.601.985
Tăng vốn	22.703.650.000	-	-	-	-	-	-	-	22.703.650.000
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	19.160.438.297	19.160.438.297
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	14.546.776.509	2.069.468.139	-	16.616.244.648
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	-	19.269.040	-	-	-	19.269.040
Giảm trong năm	-	-	15.137.000.000	-	17.691.700	-	-	41.389.362.787	56.544.054.487
Giảm vốn	-	-	15.137.000.000	-	-	-	-	-	15.137.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	18.685.712.787	18.685.712.787
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	-	17.691.700	-	-	-	17.691.700
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	22.703.650.000	22.703.650.000
Số dư tại 31/12/2011	136.223.650.000	20.950.000.000	65.389.499.612	(1.710.000)	7.435.439	58.856.902.824	10.719.997.780	19.160.438.297	311.306.213.952

(*) Công ty đã hạch toán phần tiền nhận vốn góp liên doanh của một công ty khác để cùng thực hiện dự án xây dựng và không thành lập pháp nhân mới vào mục Vốn khác của chủ sở hữu theo công văn số 12563/BTC-CĐKT của Bộ Tài chính ngày 18/09/2007 trả lời công văn số 1602/SGDCKHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn về cách hạch toán nhận vốn góp liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	19.128.384.000	15.940.320.000
Vốn góp của đối tượng khác	117.095.266.000	97.579.680.000
Cộng	136.223.650.000	113.520.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	113.520.000.000	103.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	22.703.650.000	10.320.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	136.223.650.000	113.520.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.622.364	11.352.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.622.364	11.352.000
Cổ phiếu phổ thông	13.622.364	11.352.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	170	170
Cổ phiếu phổ thông	170	170
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.622.194	11.351.830
Cổ phiếu phổ thông	13.622.194	11.351.830
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 / Cổ phiếu

e. Chi tiết vốn khác của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư SATO (*)	39.889.499.612	39.889.499.612
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Mỹ Phước (**)	-	15.137.000.000
Công ty CP Đệ Tam (**)	25.500.000.000	25.500.000.000
	65.389.499.612	80.526.499.612

(*) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Sato ngày 17 tháng 3 năm 2008 dưới hình thức: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Chính trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh; Tỷ lệ góp vốn Công ty 50% và Công ty TNHH Đầu tư Sato 50%; Việc hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

(**) Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phúc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án này Công ty tham gia góp vốn 50% dự án với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư. Sau đó Công ty đồng ý để Công ty Cổ phần Đệ Tam tham gia góp vốn trong phần vốn góp của Công ty với tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2011 là: 43,9%.

5.18 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	163.118.863.943	102.365.017.167
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.416.318.296	19.301.288.396
Doanh thu hợp đồng xây dựng	929.600.815.019	1.114.883.990.117
Tổng	1.112.135.997.258	1.236.550.295.680

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	160.280.728.186	78.803.808.732
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.192.985.036	12.037.074.374
Giá vốn hợp đồng xây dựng	905.908.381.754	1.056.526.590.527
Tổng	1.075.382.094.976	1.147.367.473.633

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.982.781.478	4.319.344.875
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	7.733.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	641.122.500	672.489.333
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.691.700	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.943.891.923	1.863.098.175
Tổng	9.585.487.601	14.588.432.383

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.706.420.751	35.980.761.681
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	384.625.966	1.311.947.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.438.591.172	532.873.849
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.341.043.600	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	467.655.906	5.108.518.353
Tổng	15.338.337.395	42.934.101.823

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 Thu nhập/ chi phí khác

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	978.011.827	971.747.295
Tổng	978.011.827	971.747.295
Chi phí khác		
Chi phí khác	1.163.873.162	1.828.873.411
Tổng	1.163.873.162	1.828.873.411
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(185.861.335)	(857.126.116)

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán	24.571.280.107	55.086.346.472
Các khoản điều chỉnh tăng	231.077.406	374.077.602
Các khoản điều chỉnh giảm	641.122.500	672.489.333
Thu nhập chịu thuế	24.161.235.013	54.787.934.741
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	6.040.308.753	13.696.983.685
<i>Thuế TNDN truy thu từ các năm trước</i>	428.175.001	-
<i>Thuế TNDN được miễn giảm 30%</i>	1.057.641.944	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.410.841.810	13.696.983.685

Trong năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế TNDN theo hướng dẫn của thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 về ban hành và bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

5.24 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.160.438.297	41.389.362.787
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.160.438.297	41.389.362.787
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.407.810	10.766.651
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.680	3.844

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	693.853.092.812	685.315.312.611
Chi phí nhân công	141.363.775.561	179.009.779.377
Chi phí sử dụng máy thi công	158.015.825.803	157.942.415.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài (thầu phụ)	377.805.887.668	422.250.291.027
Chi phí sản xuất khác bằng tiền	121.649.973.746	91.192.278.562
Cộng	1.492.688.555.590	1.535.710.076.911

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc	Lương, các khoản khác	1.452.532.000	1.306.525.000
HĐQT, BKS	Thù lao	967.200.000	967.200.000
Tổng		2.419.732.000	2.273.725.000

6.2 Báo cáo bộ phận

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Dịch vụ	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BDS	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	-	73.794.612.402	7.552.084	73.802.164.486
Các khoản phải thu	11.106.361.514	215.392.908.548	93.570.000	226.592.840.062
Hàng tồn kho	5.516.359.437	1.409.142.536.997	57.884.442.148	1.472.543.338.582
Tài sản chung				238.277.529.282
Tổng tài sản	16.622.720.951	1.698.330.057.947	57.985.564.232	2.011.215.872.412
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	4.880.223.177	1.124.048.754.023	14.680.000	1.128.943.657.200
Phải trả tiền vay		570.966.001.260		570.966.001.260
Tổng nợ phải trả	4.880.223.177	1.695.014.755.283	14.680.000	1.699.909.658.460

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Dịch vụ	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BDS	Tổng
DOANH THU				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	19.416.318.296	929.600.815.019	163.118.863.943	1.112.135.997.258
Tổng doanh thu	19.416.318.296	929.600.815.019	163.118.863.943	1.112.135.997.258
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.223.333.260	23.692.433.265	2.838.135.757	36.753.902.282
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				36.753.902.282
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)				9.585.487.601
Chi phí tài chính (không phân bổ)				(15.338.337.395)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD				(6.429.772.381)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				24.571.280.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(5.410.841.810)
Lợi nhuận trong năm				19.160.438.297

6.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Chí Hiếu

Hồ Hồng Nhân

Trần Quang Mỹ